

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2020/DS - ST

Ngày: 06/10/2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Lý Viết Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 05 và ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 287/2019/TLST-DS ngày 25/12/2019, về việc: “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-DS ngày 28/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông H.L.S, sinh năm 1946. (Có mặt).

1.2 Bà N.T.H, sinh năm 1951. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn:

2.1 Ông V.X.S, sinh năm: 1973. (Vắng mặt).

2.2 Bà T.T.T, sinh năm: 1977. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà P.T.T.H, sinh năm 1959. (Vắng mặt).

3.1 Ông N.B.L. (Đã chết).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2019, tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình hòa giải nguyên đơn ông H.L.S, bà N.T.H trình bày:**

Năm 2012, vợ chồng tôi (H.L.S, N.T.H) có vay của Ngân hàng Nông nghiệp nhưng không có tiền trả nên Ngân hàng đưa vào dữ liệu nợ xấu trên toàn hệ thống của Ngân hàng nên vợ chồng tôi không thể làm thủ tục vay lại được. Do vậy, vợ chồng tôi bàn bạc và thống nhất làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhờ con nuôi là P.T.T.H, N.B.L đứng tên trong giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (Trên thực tế chỉ nhờ đứng tên, không có việc chuyển nhượng thật). Sau khi hai bên thỏa thuận, ngày 01/11/2012, vợ chồng tôi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hai con nuôi là: Ông N.B.L, sinh năm: 1962, Chứng minh nhân dân (CMND) số: 240599923 và bà P.T.T.H, thường trú tại xã M, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, theo hồ sơ số 24493001520CNVP tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Krông Pắc. Theo hợp đồng, vợ chồng tôi chuyển nhượng cho ông L bà H 440m² trong đó đất ở: 400m²; đất vườn: 40m² tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 01/Độc lập, địa chỉ khu đất: Xã G, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số AD-547579 do UBND huyện K cấp ngày 07/12/2005 đứng tên hộ ông H.L.S.

Sau khi chuyển quyền sử dụng đất đứng tên sang cho ông L và bà H, khoảng tháng 11/2012 vợ chồng tôi có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nói trên để lấy vốn làm ăn nên tôi (S) đã tìm người để bán. Ông V.X.S, bà T.T.T có nhu cầu mua nên vợ chồng tôi đã nói với hai con nuôi P.T.T.H, N.B.L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 440 m² đất tại thôn I, xã O, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho ông V.X.S, bà T.T.T. Giá chuyển nhượng theo thỏa thuận là 1.020.000.000 đồng, ông S bà T đã trả được 800.000.000 đồng. Số tiền còn lại 220.000.000 đồng, ông S bà T hẹn khi nào làm xong thủ tục đứng tên ông S bà T thì lúc đó ông S bà T sẽ trả hết số tiền 220.000.000 đồng còn nợ lại.

Ông N.B.L, bà P.T.T.H nhận 800.000.000 đồng từ ông S bà T đã giao đủ số tiền 800.000.000 đồng lại cho vợ chồng tôi. Đến ngày 13/10/2015, thì làm xong thủ tục

chuyển nhượng quyền sử dụng đất đứng tên ông V.X.S, bà T.T.T theo hồ sơ số 24493002268CNVP tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, ông L bà H đã giao GCNQSD đất cho ông S bà T nhưng ông S bà T không trả số tiền 220.000.000 đồng còn lại như đã cam kết. Ngày 11/11/2015 âm lịch (Nhằm ngày 21/12/2015 dương lịch), ba bên gồm: Vợ chồng tôi (H.L.S, N.T.H), vợ chồng ông V.X.S, bà T.T.T và vợ chồng con nuôi ông N.B.L, bà P.T.T.H đã thống nhất thỏa thuận: Chuyển số tiền 220.000.000 đồng từ việc ông S bà T mua đất còn nợ sang thành tiền vay và chuyển sang thành tiền vay của ông S bà H. Ông S bà T xin vợ chồng tôi không tính lãi suất đối với số tiền 100.000.000 đồng, còn 120.000.000 đồng hai bên thỏa thuận tính lãi suất 0,9%/ 1tháng. Do vậy vợ chồng tôi và vợ chồng ông S bà T đã viết 02 giấy nợ tiền đề ngày 11/11/2015 (Âm lịch) có nội dung như vợ chồng tôi đã cung cấp cho Tòa án. Theo giấy nợ, ông S bà T hẹn trả cho vợ chồng tôi 220.000.000 đồng và tiền lãi suất vào cuối năm 2016.

Tuy nhiên đến hạn trả nợ, ông S bà T không trả. Do vậy vợ chồng tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông V.X.S, bà T.T.T trả cho vợ chồng tôi số tiền 220.000.000 đồng. Về lãi suất: Vợ chồng tôi yêu cầu ông S bà T trả tiền lãi suất 0,9%/ 1 tháng đối với số tiền 120.000.000 đồng kể từ ngày 21/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với số tiền 100.000.000 đồng vợ chồng tôi không yêu cầu tính lãi suất.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2020, ông V.X.S, bà T.T.T trình bày:**

Năm 2015, ông H.L.S và bà N.T.H có sang nhượng đất cho vợ chồng ông N.B.L, bà P.T.T.H cùng trú tại xã M, huyện V, tỉnh Đắk Lắk một diện tích đất. Sau đó vợ chồng tôi có làm thủ tục để nhận chuyển nhượng lại diện tích đất này của vợ chồng ông N.B.L và bà P.T.T.H, diện tích đất chuyển nhượng là 1.440 m² tại thôn I, xã O, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với số tiền là 1.020.000.000 đồng. Vợ chồng chúng tôi đã trả cho vợ chồng ông L, bà H 800.000.000 đồng, còn số tiền 220.000.000 đồng khi nào có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng tôi mới trả cho ông L và bà Hà. Do vợ chồng bà H, ông L có nợ tiền ông S, bà H nên thay vì viết giấy nhận nợ tiền mua đất với vợ chồng ông L, bà H thì các bên nhất trí để cho vợ chồng tôi viết giấy nhận nợ số tiền 220.000.00 đồng với ông S, bà H, còn vợ chồng tôi không nợ ông L, bà H nữa. Sau khi lập hai giấy nợ ngày 11/11/2015 thì vợ chồng tôi có trả được 27.000.000 đồng cho bà H nên tôi chỉ còn nợ lại 193.000.000 đồng. Nay ông S bà H khởi kiện, tôi

không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S, bà H. Tôi không trả tiền cho ông S, bà H nữa mà trả cho vợ chồng bà H. Ngoài ra ông S bà T không có ý kiến gì khác.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P.T.T.H trình bày:**

Tôi (P.T.T.H) và ông N.B.L có mối quan hệ là vợ chồng, chồng tôi N.B.L chết vào ngày 11/3/2017. Vợ chồng tôi (H, L) là con nuôi của ông H.L.S, bà N.T.H, còn đối với ông S, bà T tôi không có mối quan hệ họ hàng thân thích gì, tôi chỉ biết ông S, bà T thông qua việc mua bán đất. Năm 2012, bố mẹ nuôi của tôi là ông H.L.S, bà N.T.H có nợ xấu tại ngân hàng Nông nghiệp nên bố mẹ đã nhờ vợ chồng tôi (H – L) đứng tên trong GCNQSD đất nhằm mục đích nếu bố mẹ nuôi có vay lại thì vợ chồng tôi đứng ra làm thủ tục vay cho bố mẹ. Sau khi làm thủ tục sang nhượng quyền sử dụng được vài tháng, bố mẹ nuôi có nhu cầu chuyển nhượng diện tích đất nói trên nên bố nuôi là ông H.L.S đã tìm ông S bà T để bán đất và bố mẹ nuôi nói vợ chồng tôi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông S bà T. Khoảng tháng 12/2012, vợ chồng tôi (P.T.T.H, ông N.B.L) có sang nhượng cho vợ chồng ông V.X.S, bà T.T.T diện tích đất là 440 m² tại thôn I, xã O, huyện K, giá chuyển nhượng là 1.020.000.000 đồng. Ông V.X.S, bà T.T.T trả trước số tiền 800.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận khi nào làm thủ tục xong thì ông S bà T sẽ trả hết số tiền 220.000.000 đồng còn lại.

Sau khi nhận 800.000.000 đồng, vợ chồng tôi đã giao lại số tiền trên cho bố mẹ nuôi ông H.L.S và bà N.T.H. Đến ngày 13/10/2015 thì làm xong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đứng tên ông V.X.S, bà T.T.T theo hồ sơ số 24493002268CNVP tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Ông L bà H đã giao GCNQSD đất cho ông S bà T, nhưng ông S bà T không trả số tiền 220.000.000 đồng còn lại như đã hứa nên vợ chồng tôi (P.T.T.H, N.B.L), vợ chồng ông V.X.S, bà T.T.T và bố mẹ nuôi là ông H.L.S, bà N.T.H đã thống nhất viết lại giấy nợ tiền, chuyển từ số nợ tiền 220.000.000 đồng chưa trả từ việc mua bán đất thành số tiền nợ vay đề ngày 11/11/2015 (âm lịch) như ông S bà H đã cung cấp cho Tòa án, để vợ chồng V.X.S, bà T.T.T trực tiếp trả lại số tiền nợ 220.000.000 đồng cho bố mẹ nuôi là ông H.L.S, bà N.T.H. Việc mua bán đất giữa vợ chồng tôi và vợ chồng V.X.S, bà T.T.T đã xong, không còn liên quan gì đến vợ chồng tôi nữa. Việc bà T, ông S khai: Sau khi viết giấy nợ ngày 11/11/2015 âm lịch, ông S bà T đã trả cho tôi 27.000.000 đồng nên còn nợ lại 193.000.000 đồng là không đúng sự thật. Nay ông S bà H khởi kiện, tôi xác định số tiền 220.000.000 đồng không liên quan đến vợ chồng tôi, do vậy tôi yêu cầu Tòa án

buộc ông S bà T phải trả 220.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng cho ông S bà H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa án lập bản tự khai, Tham gia phiên đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông V.X.S, bà T.T.T vắng mặt tại phiên đối chất, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với ông V.X.S, bà T.T.T. Căn cứ Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- **Nguyên đơn ông H.L.S, bà N.T.H trình bày ý kiến tranh luận:** Do tuổi đã lớn nên trong quá trình lập bản tự khai vợ chồng tôi xác định năm 2012, có nhờ hai con nuôi L, H chuyển nhượng cho ông S bà T 440m² đất là chưa đúng, vợ chồng tôi nhớ lộn ngày tháng năm. Tại phản tranh luận hôm nay, vợ chồng tôi xác nhận: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông S bà T hoàn tất vào tháng 10 năm 2015 là 400m² chứ không phải 1.400m². Diện tích 1.000m² đất còn lại là của nhà nước chứ không phải của gia đình tôi nên tôi không đồng ý với lời khai của bà T. Sau khi các bên thống nhất chuyển số tiền 220.000.000 sang thành tiền vay, từ cuối năm 2016 đến tháng 11 năm 2018, vợ chồng ông S, bà T đã trả cho vợ chồng tôi được 27.000.000 đồng tiền vay gốc của số tiền vay 100.000.000 đồng. Còn tiền lãi suất: Khoảng năm 2016, ông S xây chuồng heo cho vợ chồng tôi, tính tiền công thành 4.000.000 đồng nên hai bên thống nhất trừ vào tiền lãi suất của số tiền vay 120.000.000 đồng. Như vậy, số tiền vay gốc 193.000.000 đồng và số tiền lãi suất còn lại ông S bà T vẫn xin trả nợ nhiều lần, nhưng đến nay ông S bà T vẫn không trả cho vợ chồng tôi. Do vậy vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông S, bà T trả cho vợ chồng tôi số tiền vay gốc còn lại là 193.000.000 đồng.

- Về lãi suất: Buộc ông S bà T trả cho vợ chồng tôi lãi suất theo thỏa thuận 0,9% / 1 tháng kể từ ngày 11/11/2015 âm lịch nhằm ngày 21/12/2015 dương lịch đối với số

tiền 120.000.000 đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đề nghị HĐXX trừ đi số tiền 4.000.000 đồng lãi suất ông S bà T đã trả cho vợ chồng tôi.

- Vợ chồng tôi rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 27.000.000 đồng ông S bà T đã trả trước đó.

- **Bị đơn bà T.T.T trình bày ý kiến tranh luận:** Vợ chồng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.L.S, bà N.T.H. Vì trên thực tế vợ chồng tôi mua đất của bà H ông L chứ không mua đất của ông S bà H. Trước đây khi mua bán đất, ông S, bà H bảo chuyển nhượng cho vợ chồng tôi 1.440m² đất, trong đó 440m² đất đã có GCNQSD đất, còn 1.000m² đất chưa có GCNQSD đất với giá 1.020.000.000 đồng. Vợ chồng chúng tôi đã trả cho vợ chồng ông L, bà H 800.000.000 đồng, còn lại 220.000.000 đồng các bên thống nhất viết giấy nhận nợ của ông S, bà H. Sau khi viết giấy nhận nợ, vợ chồng tôi đã trả cho ông S, bà H được 27.000.000 đồng tiền vay gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi suất. Số tiền 193.000.000 đồng và lãi suất còn lại chừng nào ông S bà H chuyển nhượng 1.000m² đất còn lại cho vợ chồng tôi thì vợ chồng tôi sẽ trả đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn, bị đơn bà T tương đối đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại BLTTDS; trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không lên Tòa làm việc, là vi phạm Điều 70, Điều 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 218; Điều 219; Điều 227; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- **Áp dụng Khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của bộ luật dân sự 2015.**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H.L.S, bà N.T.H. Buộc bị đơn ông V.X.S, bà T.T.T phải trả cho ông H.L.S, bà N.T.H 193.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi suất 0,9%/ 1 tháng của số tiền vay 120.000.000 đồng kể từ ngày 21/12/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông V.X.S, bà T.T.T được khấu trừ số tiền lãi suất 4.000.000 đồng đã trả cho ông S bà H.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông H.L.S bà N.T.H đối với yêu cầu buộc ông V.X.S bà T.T.T trả cho ông H.L.S bà N.T.H số tiền 27.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức:

Xét về thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại “Giấy nhận nợ” lập ngày 11/11/2015 âm lịch, ông V.X.S, bà T.T.T thỏa thuận trả nợ cho ông S bà H số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi suất vào cuối năm 2016. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông H.L.S bà N.T.H và bị đơn bà T.T.T thừa nhận từ cuối năm 2016 đến tháng 11 năm 2018, bà T đã trả cho ông S bà H nhiều lần tổng số tiền 27.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông S bà T không trả nữa. Như vậy, tính từ đầu tháng 12 năm 2018 đến nay, ông S bà T không trả nợ cho ông S bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên thời hiệu khởi kiện được tính từ tháng 12 năm 2018. Căn cứ Điều 427 (Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng dân sự) của Bộ luật dân sự 2005 thì ông H.L.S, bà N.T.H khởi kiện trong thời hạn luật định.

Căn cứ vào hai “Giấy nhận nợ” lập ngày 11/11/2015 âm lịch (Nhằm ngày 21/12/2015 dương lịch) do nguyên đơn ông H.L.S bà N.T.H cung cấp theo đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm ông H.L.S, bà N.T.H khởi kiện, bị đơn ông V.X.S, bà T.T.T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Thôn H, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS để thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.L.S, bà N.T.H yêu cầu bị đơn ông V.X.S, bà T.T.T trả cho ông S, bà H tổng số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh, Hội đồng xét xử nhận định:

Năm 2012, vợ chồng ông H.L.S và bà N.T.H vay nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam nhưng không trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng đưa vào dữ liệu nợ xấu, không thể làm thủ tục vay lại được. Do vậy ông S, bà H bàn nhau và thống nhất làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhờ con nuôi là P.T.T.H, N.B.L đứng tên để làm thủ tục vay Ngân hàng. Sau khi hai bên thống nhất, ngày 01/11/2012, vợ chồng ông S, bà H làm thủ tục chuyển

nhượng quyền sử dụng đất đứng tên: Ông N.B.L, sinh năm:1962, CMND số: 240599923 và bà P.T.T.H, thường trú tại xã M, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, theo hồ sơ số 24493001520CNVP tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Krông Pắc. Theo hợp đồng, vợ chồng ông S, bà H chuyển nhượng cho ông L bà H 440m² trong đó đất ở: 400m²; đất vườn: 40m² tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 01/Độc lập, địa chỉ khu đất: Xã G, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được cấp GCNQSD đất số AD547579 do UBND huyện K cấp ngày 07/12/2005 đứng tên hộ ông H.L.S.

Sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất đứng tên sang cho ông L và bà Hà, tháng 10 năm 2015, vợ chồng ông S bà H có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nói trên nên đã tìm người để bán. Ông V.X.S, bà T.T.T có nhu cầu mua nên ông S, bà H đã yêu cầu ông L bà H ký hợp đồng CNQSD 440 m² đất tại thôn I, xã O, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho ông V.X.S, bà T.T.T. Giá chuyển nhượng thỏa thuận là 1.020.000.000 đồng, ông S bà T đã trả được 800.000.000 đồng. Số tiền còn lại 220.000.000 đồng, ông S bà T hẹn khi nào làm xong thủ tục đứng tên ông S bà T lúc đó ông S bà T sẽ trả hết số tiền 220.000.000 đồng còn nợ lại.

Sau khi nhận số tiền 800.000.000 đồng, vợ chồng ông L, bà H đã giao đủ tiền lại cho ông S bà H. Đến ngày 13/10/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Krông Pắc đã làm xong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đứng tên ông V.X.S bà T.T.T theo hồ sơ số 24493002268CNVP. Ông L bà H đã giao GCNQSD cho ông S bà T nhưng ông S bà T không trả cho ông S bà H số tiền 220.000.000 đồng còn lại như đã cam kết. Ông S, bà H yêu cầu ông S bà T trả số tiền nợ còn lại nhưng ông S bà T không trả, do vậy ngày 11/11/2015 âm lịch (Nhằm ngày 21/12/2015 dương lịch) ba bên gồm: Vợ chồng ông H.L.S bà N.T.H; Vợ chồng ông V.X.S, bà T.T.T và vợ chồng con nuôi ông N.B.L, bà P.T.T.H đã thống nhất thỏa thuận: Chuyển số tiền 220.000.000 đồng từ việc ông S bà T mua đất còn nợ sang thành tiền vay. Ông S bà T xin vợ chồng ông S, bà H không tính lãi suất đối với số tiền 100.000.000 đồng, còn 120.000.000 đồng hai bên thỏa thuận tính lãi suất 0,9%/ 1tháng. Do vậy vợ chồng ông S, bà H và vợ chồng ông T bà S đã viết 02 giấy nợ tiền đề ngày 11/11/2015 (Âm lịch). Hai giấy nhận nợ có nội dung như sau:

Nội dung giấy nhận nợ thứ nhất:

“Tên tôi là V.X.S, vợ T.T.T có nợ của ông H.L.S, bà N.T.H ở thôn 1, xã Ea Kly, Krông Pắc số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) với lãi suất 0,9%/ tháng. Hẹn 3 tháng trả lãi một lần. Còn vốn hẹn đến hết tháng năm năm

(2016) nhằm thân sẽ trả vốn. Nay tôi viết giấy này để làm bằng. Nếu bên nào sai sẽ chịu trách nhiệm. Ngày 11/11/ Ất mùi 2015.

Người nợ

Người cho nợ

V.X.S

H.L.S,

T.T.T

N.T.H”

Nội dung giấy nhận nợ thứ hai:

“Tên tôi là V.X.S, vợ T.T.T có nợ của ông bà H.L.S và bà N.T.H 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Hẹn đến cuối năm sau (2016) sẽ trả đầy đủ.

Nếu có gì sai thì vợ chồng tôi chịu trách nhiệm.

Ngày 11/11/ Ất mùi 2015.

Người cho nợ

Người nợ

H.L.S

V.X.S

N.T.H

T.T.T”

Từ những nội dung trên cho thấy: Nguồn gốc của số tiền 220.000.000 đồng ông V.X.S bà T.T.T nhận nợ của ông H.L.S bà N.T.H trong 02 giấy nhận nợ đề ngày 11/11/2015 âm lịch xuất phát từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà P.T.T.H, ông N.B.L với vợ chồng ông V.X.S bà T.T.T. Tuy nhiên nguồn gốc của lô đất 440m² (Trong đó đất ở: 400m²; đất vườn: 40m² tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 01/Độc lập, địa chỉ khu đất: Xã G, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông H.L.S bà N.T.H. Giá chuyển nhượng 1.020.000.000 đồng, ông S bà T đã trả được 800.000.000 đồng, còn nợ lại 220.000.000 đồng. Do ông S bà T vi phạm trả nợ của bên mua nên ngày 11/11/2015 âm lịch (Tức ngày 21/12/2015 dương lịch), ba bên gồm: Vợ chồng ông H.L.S bà N.T.H; Vợ chồng ông V.X.S, bà T.T.T và vợ chồng con nuôi ông N.B.L, bà P.T.T.H đã thống nhất thỏa thuận: Chuyển số tiền 220.000.000 đồng từ việc ông S bà T mua đất còn nợ sang thành tiền vay của ông H.L.S bà N.T.H là phù hợp với luật định. Ông S bà T hẹn trả số tiền 220.000.000 đồng cho ông S bà H vào cuối năm 2016. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông H.L.S, bà N.T.H và bị đơn bà T.T.T đều thừa nhận: Tính từ cuối năm 2016 đến hết tháng 11 năm 2018 ông S bà T trả cho ông S bà H nhiều lần được 27.000.000 đồng tiền vay gốc của số tiền vay 100.000.000 đồng. Ông S xây chuồng heo cho ông S bà H, tính tiền công là 4.000.000 đồng và hai bên thống nhất chuyển 4.000.000 đồng tiền công xây nhà thành trả tiền lãi suất của số tiền vay 120.000.000 đồng. Số tiền còn lại 193.000.000 đồng

tiền vay gốc và lãi suất ông S bà T không trả nợ theo thỏa thuận, do vậy ông H.L.S bà N.T.H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã triệu tập hợp lệ để ông V.X.S, bà T.T.T đến Tòa án để tiến hành đối chất làm rõ nội dung của 02 giấy nhận nợ nhưng ông V.X.S, bà T.T.T vắng mặt không có lý do.

Để có căn cứ pháp lý giải quyết vụ án, ngày 06 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 04/2020/QĐ-TCGD với hai nội dung:

- Giám định chữ ký và chữ viết V.X.S dưới mục người nợ, trong 02 giấy nợ tiền đề ngày 11 tháng 11 năm Ất mùi 2015 so với chữ ký và chữ viết V.X.S trong Biên bản giao giấy triệu tập đương sự ngày 21/4/2020; Chữ ký, chữ viết V.X.S trong Biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2020; Chữ ký và chữ viết V.X.S trong biên bản giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27 tháng 5 năm 2020 có phải chữ ký và chữ viết của cùng một người ký và viết ra không?

- Giám định chữ ký và chữ viết T.T.T dưới mục người nợ, trong 02 giấy nợ tiền đề ngày 11 tháng 11 năm Ất mùi 2015 so với chữ ký và chữ viết T.T.T trong Biên bản giao giấy triệu tập đương sự ngày 21/4/2020; Chữ ký, chữ viết T.T.T trong biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2020; Chữ ký và chữ viết T.T.T trong Biên bản giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27 tháng 5 năm 2020 có phải chữ ký và chữ viết của cùng một người ký và viết ra không?

Tại bản kết luận giám định số 100/CP09, ngày 05/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

1. “Chữ ký và chữ viết mang tên V.X.S dưới mục người nợ trong giấy nợ tiền đề ngày 11 tháng 11/Ất mùi (2015) (Ký hiệu A1, A2) so với chữ ký chữ viết đứng tên V.X.S trong các tài liệu so sánh ký hiệu M1, M2, M4 là do cùng một người ký và viết ra.”

2. “Chữ ký mang tên T.T.T dưới mục người nợ trong giấy nợ tiền đề ngày 11 tháng 11/Ất mùi (2015) (Ký hiệu A1, A2) so với chữ ký đứng tên T.T.T trong các tài liệu so sánh ký hiệu M1, M3, M4 là do cùng một người ký ra.”

3. “Chữ viết mang tên T.T.T dưới mục người nợ trong giấy nợ tiền đề ngày 11 tháng 11/Ất mùi (2015) (Ký hiệu A1, A2) so với chữ viết đứng tên T.T.T trong các tài liệu so sánh ký hiệu M1, M3, M4 là không phải do cùng một người viết ra.”

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của ông H.L.S và bà N.T.H, lời khai của bị đơn bà T.T.T tại phiên tòa, Biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P.T.T.H, bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk số 100/PC09 ngày 05/8/2020, HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh: Tính đến thời điểm ngày 11/11/2015 Âm lịch (Ngày 21/12/2015 dương lịch), ông V.X.S, bà T.T.T còn nợ của ông H.L.S và bà N.T.H số tiền 220.000.000 đồng theo 02 giấy nợ tiền đề ngày 11/11/2015 Âm lịch. Ông S bà T hẹn trả số tiền vay gốc trên vào cuối năm 2016, tuy nhiên đến hạn trả nợ ông S bà T chỉ trả được 27.000.000 đồng tiền vay gốc, còn lại 193.000.000 đồng ông S bà T không trả cho ông S bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông H.L.S và bà N.T.H là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471; Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.L.S và bà N.T.H. Buộc bị đơn ông V.X.S, bà T.T.T phải trả cho ông H.L.S và bà N.T.H số tiền nợ gốc 193.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

Về lãi suất:

- Lãi suất đối với số tiền 120.000.000 đồng: Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông S bà H yêu cầu ông S bà T phải trả lãi suất 0,9%/1 tháng kể từ ngày 11/11/ 2015 âm lịch (Nhằm ngày 21/12/2015 dương lịch). Xét thấy hai bên thỏa thuận lãi suất 0.9%/ 1 tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng nên HĐXX chấp nhận. Mức lãi suất được tính như sau:

Tính từ ngày 21/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 6/10/2020 là 1751 ngày. Mức lãi suất là $120.000.000 \text{ đồng} \times 0,9 \% \times 1.751 \text{ ngày} : 30 = 63.036.000 \text{ đồng}$, khấu trừ số tiền lãi suất 4.000.000 đồng mà ông S bà T đã trả cho ông S bà H. Số tiền lãi suất ông S bà T còn phải trả là 59.036.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền vay gốc và lãi suất, HĐXX buộc ông V.X.S bà T.T.T phải trả cho ông H.L.S, bà N.T.H là: 252.036.000 đồng.

- Lãi suất đối với số tiền vay gốc còn lại 73.000.000 đồng (Chứng từ vay 100.000.000 đồng nhưng ông S bà T đã trả được 27.000.000 đồng, còn lại 73.000.000 đồng) ông S bà H không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Tại phiên tòa, ông H.L.S bà N.T.H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 27.000.000 đồng tiền vay gốc. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông S bà H là tự nguyện, không trái pháp luật do vậy HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, **khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện ông H.L.S bà N.T.H về việc buộc ông V.X.S, bà T.T.T phải trả cho ông S, bà H số tiền 27.000.000 đồng.

Ông S bà H có quyền khởi kiện lại đối với số tiền 27.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

* Xét ý kiến của ông V.X.S, bà T.T.T cho rằng: “Vợ chồng ông S bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.L.S, bà N.T.H vì trên thực tế ông S bà T mua đất của bà H ông L chứ không mua đất của ông S bà H. Vì trước đây khi mua bán đất, ông S bà H có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông S bà T 1.440m² đất, trong đó 440m² đất đã có GCNQSD đất, còn 1.000m² đất chưa có GCNQSD đất. Hiện nay diện tích 1000m² chưa chuyển nhượng sang tên cho ông S bà T, nên khi nào ông S bà H chuyển nhượng 1.000m² đất còn lại thì ông S bà T sẽ trả tiếp số tiền 193.000.000 đồng và lãi suất còn lại. HĐXX nhận định:

Căn cứ vào biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/5/2020 (Các bút lục 57, 58, 59) bà P.T.T.H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai nhận: “Nguồn gốc của lô đất 440m² (Trong đó đất ở: 400m²; 40m² đất vườn tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 01/Độc lập, địa chỉ khu đất: Xã G, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Krông Pắc cấp GCNQSD đất số AD-547579 ngày 07/12/2005 đứng tên hộ ông H.L.S thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông H.L.S, bà N.T.H. Ông N.B.L và bà P.T.T.H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất này trên cơ sở thỏa thuận giữa vợ chồng ông H.L.S, bà N.T.H và vợ chồng N.B.L và bà P.T.T.H nhằm mục đích ông L bà H làm thủ tục ký hợp đồng vay Ngân hàng giúp cho ông S bà H. Khi ông S bà H có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên, ông S bà H là người trực tiếp liên hệ với ông S bà T để giao dịch mua bán đất. Hai bên thỏa thuận chuyển nhượng 440m² đất theo GCNQSD đất như đã nêu ở trên. Do vậy ông L bà H

đã ký hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất để hoàn tất hồ sơ sang đứng tên ông S bà T. Ngày 13/10/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Krông Pắc làm xong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đứng tên ông V.X.S bà T.T.T theo hồ sơ số 24493002268CNVP. Ông L bà H đã giao GCNQSD đất cho ông S bà T như vậy ông L bà H thực hiện xong nghĩa vụ của mình theo yêu cầu của hai bên (Bên chuyển nhượng là ông S bà H và bên nhận chuyển nhượng ông S bà T). Số tiền còn lại 220.000.000 đồng ông S bà T không trả, do vậy ngày 11/11/ 2015 âm lịch vợ chồng ông H.L.S bà N.T.H; Vợ chồng ông V.X.S, bà T.T.T và vợ chồng con nuôi ông N.B.L, bà P.T.T.H đã thống nhất thỏa thuận: Chuyển số tiền 220.000.000 đồng từ việc ông S bà T mua đất còn nợ sang thành tiền vay của ông S bà H, số tiền này hiện nay không liên quan đến bà H ông Lĩnh”.

Xét lời khai của bà P.T.T.H phù hợp với lời khai của nguyên đơn ông H.L.S bà N.T.H, phù hợp với lời khai của ông V.X.S bà T.T.T, phù hợp với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Krông Pắc xác nhận đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đứng tên ông V.X.S bà T.T.T theo hồ sơ số 24493002268CNVP. Như vậy các bên chỉ chuyển nhượng lô đất có diện tích 440m² chứ không phải 1.440m² như lời trình bày của bà N. T. T tại phiên tòa. Giá chuyển nhượng 1.020.000.000 đồng, ông S bà T đã trả được 800.000.000 đồng còn nợ lại 220.000.000 đồng. Do ông S bà T không trả số tiền trên theo thỏa thuận theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngày 11/11/ 2015 âm lịch, ông V.X.S bà T.T.T thỏa thuận với ông H.L.S bà N.T.H chuyển số tiền 220.000.000 đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn sang thành tiền vay và tính lãi suất. Việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, các bên thỏa thuận phải có nghĩa vụ thi hành theo sự thỏa thuận. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận từ cuối năm 2016 đến tháng 11 năm 2018 đã trả được 27.000.000 đồng và tiền lãi suất 4.000.000 đồng theo 02 giấy nhận nợ ngày 11/11/2015 âm lịch. Như vậy số tiền vay gốc còn lại 193.000.000 đồng và tiền lãi suất ông S bà T phải có nghĩa vụ phải trả cho ông S bà H theo thỏa thuận. Việc ông S bà T cho rằng chỉ nợ ông L bà H và có trách nhiệm trả nợ cho ông L bà H hoặc ông S bà H phải chuyển nhượng 1000m² đất còn lại cho ông S bà T thì ông S bà T mới trả cho ông S bà H 193.000.000 đồng và lãi suất là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về tiền chi phí tố tụng giám định chữ ký, chữ viết: Do ông S, bà T không tham gia tố tụng, Do vậy để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án nên ngày 06/7/2020,

Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của ông S, bà T theo hai giấy nợ tiền ngày 11/11/ Ất mùi 2015 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Số tiền chi phí giám định phải trả cho Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là 5.040.000 đồng (Bút lục số 90), số tiền này ông H.L.S đã nộp và Tòa án đã trả đủ cho Công an tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 161 BLTTDS quy định: “Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định. Nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu giám định là có căn cứ. Trường hợp kết quả giám định chứng minh yêu cầu trưng cầu giám định chỉ có căn cứ một phần thì người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định tương ứng với phần yêu cầu đã được chứng minh là có căn cứ”. Xét thấy, tại Kết luận giám định thì chữ ký, chữ viết của ông V.X.S, chữ ký của bà T.T.T trong hai giấy nợ tiền ngày 11/11/ Ất mùi 2015 là do ông S và bà T ký và viết ra. Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên, HĐXX buộc ông V.X.S, bà T.T.T phải trả cho ông H.L.S số tiền 5.040.000 đồng chi phí giám định là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí: Do HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông S bà T phải trả cho ông S, bà H số tiền 252.036.000 đồng nên ông S, bà T phải chịu 12.601.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo mức 252.036.000 đồng x 5% = 12.601.800 đồng.

Nguyên đơn ông H.L.S, bà N.T.H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 31/2019/TB-TA ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; khoản 2 Điều 184; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 218; Điều 219; **Điều 227; Điều 235; khoản 2 Điều 244;** Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng Khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.L.S, bà N.T.H.

Buộc vợ chồng ông V.X.S, bà T.T.T phải trả cho ông H.L.S, bà N.T.H tổng số tiền 252.036.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc 193.000.000 đồng, tiền lãi suất là 59.036.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện ông H.L.S bà N.T.H về việc buộc ông V.X.S, bà Nguyễn Thị Tình phải trả cho ông S bà H số tiền 27.000.000 đồng.

Ông S bà H có quyền khởi kiện lại đối với số tiền 27.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về chi phí giám định: Buộc ông V.X.S và bà T.T.T phải trả lại cho ông H.L.S số tiền 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

[3] Về án phí: Bị đơn ông V.X.S và bà T.T.T phải chịu 12.601.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông H.L.S, bà N.T.H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 31/2019/TB-TA ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn ông H.L.S, bà N.T.H, bị đơn bà T.T.T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị đơn ông V.X.S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P.T.T.H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Đã ký

Trương Quang Vinh